TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 359/2025/HC-PT
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 494/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 113/2024/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 971/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Trần Phước T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc Â, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: 5 H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường C - Đ, tỉnh L).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ và

Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt);

Địa chỉ: B Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) (vắng mặt);

Địa chỉ: B Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thùy N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3. Ông Trần Thiên V, sinh năm 1990 (vắng mặt);

4. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1992 (vắng mặt);

5. Bà Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1993 (vắng mặt);

6. Bà Trần Thị Minh C, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Trần Phước T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Tháng 8/2021,ông Trần Phước T có đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân huyện Đ cho gia đình ông được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.852m^2 do vợ chồng ông khai hoang, phục hóa, sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01 (299) thôn P, xã P, huyện Đ, nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P.

Ngày 23/9/2021, Ủy ban nhân dân xã P ban hành Thông báo số 216/TB-UBND "V/v Trả lời đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho rằng trường hợp của gia đình ông Trần Phước T "không đủ điều kiện để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", lý do diện tích đất này là "đất công" do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Ngày 09/11/2022,Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 581/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: *"Không chấp thuậnnội dung đơn của ông Trần Phước T khiếu nại Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P V/v Trả lời đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn P, xã P của ông Trần Phước T. Giữ nguyên nội dung của Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P".*

Ngày 31/3/2023, qua đối thoại, Thanh tra huyện Đ cho rằng diện tích đất nói trên của gia đình ông Trần Phước T là "đất công" và cung cấp cho ông bản phô tô Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ "V/v Quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P" tạm giao cho Ủy ban nhân dân

xã P quản lý diện tích đất công theo danh sách của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đề nghị. Trong danh sách kèm theo Công văn nói trên có diện tích 1.852m^2 thửa đất 533 ông Trần Phước T khai hoang, phục hóa năm 1985 và đang sử dụng.

Ngày 10/5/2023,Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: "Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã P giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu). Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã P" (đính kèm).

Tuy nhiên, đến ngày 31/5/2023 Ủy ban nhân dân xã P mới giao cho ông Trần Phước T Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 nêu trên.

Các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân xã P là không đúng quy định pháp luật bởi các lý do như sau:

Năm 1985, ông Trần Phước T là bộ đội xuất ngũ về làm nhân viên quản lý Trạm bơm của Hợp tác xã T6. Lúc bấy giờ Hợp tác xã có cắm mốc đo đạc đất của trạm bơm khoảng gần 1.000m^2 trên đó có nhà của trạm bơm 5m x 8m = 40m^2 và giao cho ông Trần Phước T trông coi. Hiện nay diện tích đất và trạm bơm nói trên vẫn còn nguyên vẹn gần 1.000m^2 là đất của Hợp tác xã T6 nay là Trung tâm quản lý khai thác công trình công cộng huyện Đ quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, từ năm 1985 vợ chồng ông Trần Phước T có khai hoang, phục hóa riêng hơn 1.800m^2 đất giáp với trạm bơm của Hợp tác xã và làm căn nhà ván để ở, được Công an huyện Đ cấp hộ khẩu thường trú số 392502346 ngày 25/8/2016 tại nhà đất nói trên. Đến năm 2017, vì nhà ở quá mục nát, nên vợ chồng ông Trần Phước T đã sửa chữa lại để ở với diện tích 44m^2. Căn nhà này hiện nay nằm trên diện tích đất hơn 1.800m^2, thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01 (299) thôn P, xã P, huyện Đ, nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số A, xã P.

Năm 2007, Ủy ban nhân dân xã P mời ông Trần Phước T ra xã và yêu cầu ký hợp đồng thuê đất. Do không hiểu biết pháp luật, nên ông Trần Phước T ký tên vào hợp đồng.

Diện tích đất nói trên không phải là "đất công", vì theo Trích lục bản đồ địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 30/6/2021 nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11, diện tích 2.721,0m^2 có ghi rõ là đất ở và trồng cây hàng năm (ONT + HNK).

Ngày 07/07/2020,ông Trần Phước T làm đơn xin xác nhận nguồn gốc đất, được nhiều bà con cứ trú lâu năm, tiếp giáp với đất của ông Trần Phước T biết rõ về nguồn gốc đất gồm: Ông Trương Văn C1, ông Dương Văn M, ông Chế Thanh V1, ông Sầm Anh Q, ông Trương Đức H1, ông Cao T2 xác nhận. Ông Trần Lại N1 Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã T6 cũng xác nhận sự thật về nguồn gốc đất nói trên là của gia đình ông Trần Phước T khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1985, không ai tranh chấp.

Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng đất của gia đình ông Trần Phước T sử dụng từ năm 1985 đến nay là "đất công". Thế nhưng, thời gian qua Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình ông Trần Phước T đang sử dụng để giao cho Ủy ban nhân dân xã P là không đúng với quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993, Điều 32 Luật Đất đai năm 2003, Điều 53 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định giao đất công ích 5% cho Ủy ban nhân dân xã P, mà ban hành Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 "tạm giao" quỹ đất công ích 5% cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, trong đó có 1.852m^{2}thuộc thửa đất 533 của gia đình ông Trần Phước T là trái với quy định tại Điều 37 Luật Đất đai 2003; Điều 59 Luật Đất đai năm 2013.

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng 1.852m^2 đất thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01 (299) thôn P, xã P, huyện Đ, nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P của gia đình ông Trần Phước T là "đất công" là không có căn cứ và không đúng với quy định của pháp luật.

Nay ông Trần Phước T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần 2);

- Hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu);

- Hủy Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Phước T;

- Hủy một phần Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần liên quan đến ông Trần Phước T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m^2 đất thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01(299) nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Qua rà soát hồ sơ cho thấy:

- Về đất đai:

Thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299) có diện tích 1.852m² nay thuộc một phần thửa số 900, tờ bản đồ số 11 (2013) trước đây là đất của Trạm bơm Hợp tác xã T6 nay do Ủy ban nhân dân xã P quản lý (hiện nay trạm bơm vẫn hoạt động).

Năm 1985, ông Trần Phước T về làm nhân viên quản lý Trạm bơm, ngoài diện tích nhà điều hành trạm bơm ông T sử dụng diện tích đất còn lại để sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay.

Theo Biên bản làm việc ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân xã P với ông Trần Phước T về việc xác minh làm rõ nguồn gốc đất ông T đang sử dụng liên quan đến đất công xã quản lý: Vào năm 1984 ông Trần Phước T đi bộ đội về lập gia đình, do không có nhà ở riêng nên đến gặp ông Trần Minh T3- Chủ nhiệm Hợp tác xã để mượn nhà công của xã để ở. Từ đó đến năm 2005, ông có mượn thêm đất xung quanh nhà diện tích khoảng 1.500m² để sản xuất. Ông Trần Phước T cam đoan khi nào nhà nước trưng dụng đến nhà và đất này thì gia đình ông thống nhất giao lại và không yêu cầu điều kiện gì.

Theo hồ sơ địa chính lưu tại xã, Ủy ban nhân dân xã P ký hợp đồng cho ông Trần Phước T thuê đất đối với toàn bộ diện tích thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), việc ký kết hợp đồng thuê đất giữa Uỷ ban nhân dân xã và ông Trần Phước T là giao dịch dân sự và đến nay đã hết thời hạn thuê đất.

Ông Trần Phước T cho rằng diện tích đất nêu trên do ông khai phá, sử dụng từ năm 1985 nhưng không cung cấp được các giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên và cũng không xuất trình được các giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước trong quá trình sử dụng diện tích đất này.

Từ các nội dung nêu trên, khẳng định vị trí đất ông Trần Phước T xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

- Về nhà ở:

Ông Trần Phước T đã xây dựng nhà trên thửa đất số 533 là đất công do Ủy ban nhân dân xã Q. Ngày 11/01/2018, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Phước T do có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở. Ngày 17/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 05/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Phước T do có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Cụ thể tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông Trần Phước T chiếm diện tích 148,1m^2 thuộc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã P quản lý đã vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã P tống đạt đến ông Trần Phước T, sau khi nhận được quyết định xử phạt, ông Trần Phước T đã thực hiện nộp tiền xử phạt, nhưng chưa thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Đồng thời, theo Kết luận số 11/KL-TTr ngày 11/12/2018 của Thanh tra huyện Đ Kết luận Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện quy định của pháp luật về Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng; gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng 09 công trình đối với

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, trong đó có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xử lý dứt điểm vi phạm của ông Trần Phước T tại vị trí thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P. Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã P đã xây dựng phương án sử dụng đất tại vị trí chiếm đất của ông Trần Phước T tại thôn P, xã P.

Ngày 26/12/2013, Phòng T có Báo cáo số 731/BC- TNMT về kiểm tra diện tích đất công 5% tại xã P, huyện Đ. Trên cơ sở đó, ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Công văn số 3247/UBND về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P, có nội dung: tạm giao 290.238m² với 36 vị trí khác nhau cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, trong đó thể hiện thửa đất số 533/1.852m², tờ bản đồ số 01 (299), xã P cho ông Trần Phước T hợp đồng thuê sử dụng 03 năm, từ tháng 7/2009.

Như vậy, đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất công, việc Ủy ban nhân dân xã P ban hành Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/09/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn P, xã P của ông Trần Phước T là đúng quy định. Do đó, Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu); Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần 2) cũng ban hành đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý các nội dung khởi kiện của ông Trần Phước T yêu cầu hủy các quyết định trên.

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m² đất thuộc một phần thửa 533 tờ bản đồ số 01 (299) nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P. Theo khoản 2, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: *"Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất:*

7. Tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng gồm đường giao thông, công trình dẫn nước, dẫn xăng, dầu, khí; đường dây truyền tải điện, truyền dẫn thông tin; khu vui chơi giải trí ngoài trời; nghĩa trang, nghĩa địa không nhằm mục đích kinh doanh" thì yêu cầu nêu trên của ông Trần Phước T là không có cơ sở xem xét, giải quyết do diện tích đất mà ông T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất của Trạm bơm, Uỷ ban nhân dân xã cho ông T mượn để sử dụng, đến năm 2007 ông T ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã P.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ các hồ sơ có liên quan, xử bác nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Căn cứ hồ sơ địa chính thì thửa đất 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất trạm bơm thuộc đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Trước đây, ông Trần Phước T là nhân viên quản lý Trạm Bơm tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P. Để thuận tiện trong quá trình quản lý trạm bơm, ông Trần Phước T có sử dụng nhà điều hành trạm bơm để ở và quản lý sử dụng diện tích đất còn lại của Trạm Bơm để sản xuất nông nghiệp.

Thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất công do xã quản lý nên năm 2007, Ủy ban nhân dân xã P đã ký hợp đồng thuê đất với ông Trần Phước T, với diện tích 1.852m². Đến năm 2017, ông có đơn đề nghị được cấp GCNQSD đất đối với một phần diện tích đất thuộc trạm bơm nêu trên.

Qua kiểm tra, rà soát, phát hiện ông Trần Phước T đã xây dựng nhà trên thửa đất số 533 là đất công do Uỷ ban nhân dân xã quản lý nên ngày 23/8/2017 Ủy ban nhân dân xã P đã có Thông báo số 228/TB-UBND trả lời đơn của ông với nội dung không thống nhất đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Phước T.

Đồng thời, đề nghị ông T tháo dỡ căn nhà xây dựng trái phép trên diện tích đất công. Tuy nhiên, ông Trần Phước T không chấp hành.

Ngày 11/01/2018, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Phước T do có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Ngày 17/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 05/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Phước T, do có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Cụ thể tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông Trần Phước T chiếm diện tích 148,1m² thuộc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 1 (299), xã P là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã P quản lý đã vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã P tống đạt đến ông Trần Phước T, sau khi nhận được quyết định xử phạt, ông Trần Phước T đã thực hiện nộp tiền xử phạt, nhưng chưa thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Tháng 4/2018, ông Trần Phước T tiếp tục có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 14/5/2018, Ủy ban nhân dân xã P có Thông báo số 116/TB-UBND tiếp tục trả lời đơn của ông, với nội dung không chấp nhận đơn do vị trí đất ông đề nghị cấp Giấy là đất trạm bơm thuộc đất công do xã quản lý; yêu cầu ông chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPVPHC ngày 17/01/2018 của Uỷ ban nhân dân huyện.

Đồng thời, theo Kết luận số 11/KL-TTr ngày 11/12/2018 của Thanh tra huyện Đ Kết luận Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện quy định của pháp luật về Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng; gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng 09 công trình đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, trong đó có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xử lý dứt điểm vi phạm của ông Trần Phước T tại vị trí thửa đất số 533, tờ bản đồ số

01 (299), xã P. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã P đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Từ những nội dung trên Ủy ban nhân dân xã P không thống nhất yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu), không thống nhất yêu cầu hủy Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Phước T. Không thống nhất việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m² đất thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01(299) nay là thửa 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng làm rõ và xét xử vụ án theo quy định của Pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thùy N, bà Trần Thị Thùy T1, ông Trần Thiên V, bà Trần Thị Mỹ D, bà Trần Thị Mỹ P, bà Trần Thị Minh C:*Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện củaông Trần Phước T4 việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần 2);

- Hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu);

- Hủy Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn P, xã P của ông Trần Phước T;

- Hủy một phần Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P(phần liên quan đến ông Trần Phước T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m^2 đất thuộc một phần thửa 533 tờ bản đồ số 01(299) nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/11/2024, người khởi kiện – ông Trần Phước T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – ông Trần Phước T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà người kháng cáo trình bày và cung cấp có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Phước T làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Phước T làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước T:

Ông Trần Phước T khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với diện tích 1.852m² thuộc một phần thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (theo Tài liệu 299), nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ số 11, tọa lạc thôn P, xã P, huyện Đ. Ông T trình bày diện tích đất trên có nguồn gốc do vợ chồng ông T tự khai hoang, phục hóa từ năm 1985 nhưng ông T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông T. Mặt khác, trong quá trình quản lý, sử dụng ông T không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không đóng thuế sử dụng đất.

Căn cứ Hợp đồng thuê đất ngày 06/9/2007 giữa Ủy ban nhân dân xã P và ông Trần Phước T có nội dung Ủy ban nhân dân xã P cho ông T thuê điện tích 1.852m² thuộc thửa đất số 533, tờ bản đồ 01, thôn P, xã P với thời hạn thuê 01 năm kể từ ngày 06/9/2007 (BL 90).

Căn cứ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30/3/2014 giữa Ủy ban nhân dân xã P và ông Trần Phước T có nội dung Ủy ban nhân dân xã P cho ông

T thửa đất số 533 diện tích 1.852m² tại thôn P, xã P, huyện Đ (theo nguồn gốc và tài liệu là đất công) với thời hạn thuê 01 năm kể từ ngày 30/3/2014 (BL 80).

Căn cứ Báo cáo số 731/BC-TNMT ngày 26/12/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ về việc kiểm tra diện tích đất công 5% tại xã P, huyện Đ thể hiện thửa đất số 533 diện tích 1.852² thuộc quỹ đất nông nghiệp 5% do Ủy ban nhân dân xã P quản lý và đang cho ông Trần Phước T thuê theo hợp đồng thuê sử dụng 03 năm, từ tháng 7/2009 (BL 85).

Căn cứ Sổ mục kê quyền số 01 và Sổ dã ngoại của xã P thể hiện thửa số 533, tờ bản đồ số 01 là Trạm Bơm (BL 129 - 130).Trước đây Trạm bợm do Hợp tác xã T6 quản lý, nay do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, hiện nay trạm bơm vẫn đang hoạt động.

Người bị kiện trình bày và ông T thừa nhận do trước đây ông T là nhân viên quản lý Trạm Bơm tại thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P. Để thuận tiện trong quá trình quản lý trạm bơm, ông T có sử dụng nhà điều hành trạm bơm để ở và quản lý sử dụng diện tích đất còn lại của Trạm Bơm để sản xuất nông nghiệp.

Do ông T đã xây dựng nhà trên thửa đất số 533, tờ bản đồ 01 là đất công do Uỷ ban nhân dân xã quản lý nên ngày 11/01/2018 Ủy ban nhân dân xã P đã tiên hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T đối với hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở. Ngày 17/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 05/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Phước T do có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất ở do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Cụ thể tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ông T chiếm diện tích 148,1m² thuộc thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01 (299), xã P là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Ông T đã nộp tiền phạt, nhưng chưa thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 1.852m^2 thuộc thửa đất số 533ông Thời khiếu nại yêu cầu công nhận QSDĐ là đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần 2); hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu); hủy Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Phước T; hủy một phần Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần liên quan đến ông Trần Phước T); buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụcông vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m² đất thuộc một phần thửa 533, tờ bản đồ số 01 (299) nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P, huyện Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Ông Trần Phước T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhậntoàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm ông T không xuất trình được chứng cứ có căn cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3.3] Đối với quan điểm của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn đóng án phí theo đúng quy định pháp luật nên ông T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành ngày 27/06/2025; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phước T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước T về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 34/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần 2);

- Hủy Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Phước T (lần đầu);

- Hủy Thông báo số 216/TB-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân xã P về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn P, xã P của ông Trân Phước T5;

- Hủy một phần Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần liên quan đến ông Trần Phước T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Phước T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.852m² đất thuộc một phần thửa 533 tờ bản đồ số 01 (299) nay là thửa đất số 900, tờ bản đồ địa chính số 11 xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Phước T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- NKK (1);
- NBK (4);
- NLQ (6);
- Lưu (10) 26b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn